

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 3 năm 2026.
“ *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Hảo

Bà Đỗ Thị Láng.

Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Anh Trâm - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hù Thị N, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Triệu Tồn N1, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Triệu Tồn N1 xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên) vào năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh N1 không chăm lo cho con cái,

không tu chí lo làm ăn và thường xuyên ghen tuông vô cớ, trong khi tôi đi làm công ty để lo toan mọi chi phí sinh hoạt cho cả gia đình. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, bản thân tôi không được tôn trọng và có những lời lẽ tổn thương, xúc phạm đến danh dự, ngày càng quá đáng và bản thân tôi không thể chịu đựng thêm nữa. Từ năm 2020 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân và cũng không quan tâm đến nhau. Nay tôi xin được ly hôn với anh Triệu Tồn N1.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Triệu Thị M, sinh ngày 14/3/2012; Triệu Thị H, sinh ngày 18/01/2014 các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, đối với các con chung nay ly hôn tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng các con cho đến khi các con trưởng thành. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Triệu Tồn N1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn do bị đơn không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân, quan hệ gia đình của vợ chồng tại địa phương và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, không Hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu được Ly hôn với anh Triệu Tồn N1 và được nuôi con chung khi ly hôn.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị như sau:

- Đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228/Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147/Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N được ly hôn với anh Triệu Tồn N1.

- Về con chung: Đề nghị giao hai con chung Triệu Thị M, sinh ngày 14/3/2012; Triệu Thị H, sinh ngày 18/01/2014 cho chị Hù Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không có yêu cầu, nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Hù Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Về trình tự thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thái Nguyên. Quá trình giải quyết vụ án do bị đơn anh Triệu Tồn N1 không hợp tác với Tòa án, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Triệu Tồn N1 không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Hù Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hù Thị N và anh Triệu Tồn N1 xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã B, tỉnh Thái Nguyên) vào năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh N1 không chăm lo cho con cái, không tu chí lo làm ăn và thường xuyên ghen tuông vô cớ, trong khi chị N phải đi làm công ty để lo toan mọi chi phí sinh hoạt cho cả gia đình. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau và không có tiếng nói chung, bản thân chị N

không được tôn trọng và có những lời lẽ tổn thương, xúc phạm đến danh dự, ngày càng quá đáng và bản thân chị N không thể chịu đựng thêm nữa. Từ năm 2020 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân và cũng không quan tâm đến nhau.

Nay chị Hồ Thị N xin được ly hôn với anh Triệu Tồn N1, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Hồ Thị N và anh Triệu Tồn N1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị N phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Hồ Thị N và anh Triệu Tồn N1 có 02 con chung là Triệu Thị M, sinh ngày 14/3/2012; Triệu Thị H, sinh ngày 18/01/2014, các con khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho chị Hồ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của các đương sự về vấn đề nuôi con chung và tạo điều kiện cho sự phát triển của trẻ em. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị Hồ Thị N trực tiếp nuôi dạy con là phù hợp, cho nên giao hai con chung là Triệu Thị M, sinh ngày 14/3/2012; Triệu Thị H, sinh ngày 18/01/2014 cho chị Hồ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Triệu Tồn N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hồ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228/Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147/Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Hồ Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N được ly hôn với anh Triệu Tồn N1.

- Về con chung: Giao con chung Triệu Thị M, sinh ngày 14/3/2012; Triệu Thị H, sinh ngày 18/01/2014 cho chị Hồ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hồ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Anh Triệu Tồn N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hồ Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0002306 ngày 17/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Xác nhận chị Hồ Thị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 9-Thái Nguyên;
- Phòng THADS KV9-Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Bằng Thành - Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Hùng

